



## CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HẠNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

# AicA

Trụ sở chính: Số 12 ngõ 2 Hoa Lư, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
ĐT: (84.4) 9 745 081/82 \* Fax: (84.4) 9 745 083  
Email: cpahanoi@fpt.vn Website: www.cpahanoi.com

Chi nhánh HCM: Số 159/14 Bạch Đằng Q. Tân Bình, TP.HCM  
ĐT: (84.8) 2 936 178 \* Fax (84.8) 8 488 550  
Email: cpahanoi@fpt.vn

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2009

Số: 91/CPA HANOI - BCKT

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008  
của Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex

**Kính gửi:** HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÂN LỰC VÀ THƯƠNG MẠI VINACONEX

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 10 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính này đã được lập phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán Việt Nam nêu tại mục II, III và IV trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán và sau đó gửi tới Ban Giám đốc của Công ty.

#### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, thì Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã:

- a) Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- b) Phù hợp với Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 bản tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex giữ 04 bản tiếng Việt, Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản tiếng Việt.

**Kiểm toán viên**



**LÊ VĂN DÒ**  
Chứng chỉ kiểm toán viên  
Số: 02311/KTV

**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

**Tổng Giám đốc**



**NGUYỄN NGỌC TỈNH**  
Chứng chỉ kiểm toán viên  
Số: Đ.0132/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>127,377,682,182</b>	<b>24,475,150,113</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>21,345,699,911</b>	<b>17,563,591,276</b>
1. Tiền	111	V.01	21,345,699,911	17,563,591,276
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>86,744,800,000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		86,744,800,000	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>14,780,782,777</b>	<b>5,266,418,174</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1,245,074,604	216,962,345
2. Trả trước cho người bán	132		-	358,670,425
3. Phải thu nội bộ	133		10,881,022,423	-
4. Các khoản phải thu khác	138	V.03	2,654,685,750	4,690,785,404
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>125,548,035</b>	<b>1,026,043,199</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	125,548,035	1,026,043,199
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4,380,851,459</b>	<b>619,097,464</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		23,720,000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,517,778,555	258,892,437
3. Các khoản thuế phải thu	154	V.05	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		839,352,904	360,205,027
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>52,438,996,075</b>	<b>9,108,395,050</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9,681,611,616</b>	<b>9,108,395,050</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	9,282,136,585	9,108,395,050
- Nguyên giá	222		11,611,245,464	9,397,431,200
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2,329,108,879)	(289,036,150)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	399,475,031	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>28,332,835,182</b>	-
- Nguyên giá	241		28,486,818,182	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(153,983,000)	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>	<b>13,733,765,000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13.1	12,033,765,000	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13.2	1,700,000,000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>690,784,277</b>	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	225,238,005	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		465,546,272	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>179,816,678,257</b>	<b>33,583,545,163</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008  
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>144,136,692,511</b>	<b>17,965,884,273</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>14,947,806,729</b>	<b>14,860,880,988</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	-	-
2. Phải trả người bán	312		94,432,000	348,287,869
3. Người mua trả tiền trước	313		-	3,927,813,473
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3,573,328,742	20,880,927
4. Phải trả công nhân viên	315		-	9,518,300
4. Chi phí phải trả	316	V.17	162,960,000	-
6. Phải trả nội bộ	317		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xi	318		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	11,117,085,987	10,554,380,419
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>129,188,885,782</b>	<b>3,105,003,285</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		25,626,453,195	-
4. Vay và nợ dài hạn	324	V.20	103,528,853,144	3,105,003,285
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	326		33,579,443	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>35,679,985,746</b>	<b>15,617,660,890</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>35,697,485,746</b>	<b>15,618,060,890</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26,084,960,000	15,575,700,000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	420		9,612,525,746	42,360,890
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(17,500,000)</b>	<b>(400,000)</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(17,500,000)	(400,000)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>179,816,678,257</b>	<b>33,583,545,163</b>

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Tiến Đạt

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2009

Tổng Giám đốc



Thần Thế Hà



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	34,473,527,097	3,551,775,174
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.26	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.27	34,473,527,097	3,551,775,174
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	22,775,060,296	2,996,043,191
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		11,698,466,801	555,731,983
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	10,019,311,511	40,906,743
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	226,876,836	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		236,591,753	252,421,078
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.31	8,237,703,726	285,383,078
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13,016,605,997	58,834,570
11. Thu nhập khác	31		84,662,398	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		84,662,398	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13,101,268,395	58,834,570
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.32	3,369,380,405	16,473,680
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9,731,887,990	42,360,890
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			-	-

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Tiến Đạt

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2009

Tổng Giám đốc



Phan Thế Hà

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	4	3
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	13,101,268,395	58,834,570
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>	02	(7,825,255,782)	248,129,407
- Khấu hao TSCĐ	03	2,194,055,729	289,036,150
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	06	(10,019,311,511)	(40,906,743)
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	11,351,111,129	9,790,020,556
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(12,773,250,721)	(5,885,515,638)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	900,495,164	(1,026,043,199)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay, thuế TN phải nộp)	11	24,596,341,974	17,965,884,273
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(248,958,005)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	8,150,000,000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1,123,517,283)	(9,414,304,880)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	16,627,123,742	10,096,984,533
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(31,100,107,477)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(86,744,800,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(13,733,765,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,054,416,282	40,906,743
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(122,524,256,195)	40,906,743
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	10,509,260,000	7,425,700,000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	193,824,225,295	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(93,400,375,436)	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2,218,764,000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	108,714,345,859	7,425,700,000
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	2,817,213,406	17,563,591,276
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	17,563,591,276	-
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	964,895,229	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	21,345,699,911	17,563,591,276

Kế toán trưởng



Nguyễn Tiến Đạt



Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2009

Tổng Giám đốc



Trần Thế Hà

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

